

Số: 1480 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 01 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Sản xuất thuốc lá điếu” tại số 438, đường Phạm Hùng, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ thuộc Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của cơ quan thường trực thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án “Sản xuất thuốc lá điếu” tại Biên bản thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 15 tháng 12 năm 2023;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án “Sản xuất thuốc lá điếu” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi Văn bản số 99/VPM-TC ngày 21 tháng 3 năm 2024 và Văn bản số 121/VPM-TC ngày 20 tháng 05 năm 2024 của Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường - Cơ quan thường trực thẩm định tại Tờ trình số 2029/TTr-STNMT ngày 19 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Sản xuất thuốc lá điếu” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại số 438, đường Phạm Hùng, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Cái Răng, Chủ dự án, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ TN và MT;
- CT UBND TP;
- Công TT điện tử TP;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu VT.VK_{nh}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Dương Tấn Hiển

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN “SẢN XUẤT THUỐC LÁ ĐIỀU”

*(Kèm theo Quyết định số 1480 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Sản xuất thuốc lá điếu
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris.
- + Điện thoại: 02923.846.047; Fax: 02923.846.048
- + Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án: Ông Đỗ Đoàn; Chức vụ: Tổng giám đốc.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án có tổng diện tích là 9.641,1 m² thuộc địa phận phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.
- Quy mô, công suất: Dự án sản xuất thuốc lá điếu để xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, công suất sản xuất là 400 triệu bao/năm (Theo giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá số 664/GP-BCT của Bộ Công thương ngày 28/12/2022).

1.3. Công nghệ sản xuất

Quy trình sản xuất thuốc lá: Nguyên liệu, phụ liệu → Ván điếu → Đóng bao → Dán tem → Bao kín bao → Đóng nút → Bao kín nút → Thành phẩm.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình chính của dự án:
 - + Hiện hữu: phân xưởng 1, phân xưởng 2, phân xưởng Demi slim, kho số 1, kho số 2, kho số 4, kho số 5, kho số 6, phòng phối chế nguyên liệu, phòng máy xé thuốc, kho lạnh.
 - Các hạng mục công trình phụ trợ: nhà văn phòng, nhà bảo vệ, nhà ăn, nhà xe, phòng máy phát điện, phòng kỹ thuật, xưởng gia công, phòng máy bơm chữa cháy, hồ chứa nước chữa cháy, tháp nước, hệ thống điện mặt trời, đường nội bộ, cây xanh thảm cỏ
 - Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống xử lý bụi, hệ thống thu gom thoát nước mưa, hệ thống thu gom thoát nước thải, khu xử lý nước thải, kho chất thải nguy hại, kho phế liệu, kho chứa bụi thuốc.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: -

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án như sau:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh bụi, khí thải trong quá trình tháo dỡ công trình cũ, thi công cải tạo công trình hiện hữu và xây dựng công trình mới, tập kết nguyên liệu, lắp đặt thiết bị dây chuyền sản xuất; phát sinh nước thải xây dựng và nước thải sinh hoạt trong quá trình xây dựng; phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng; phát sinh chất thải nguy hại.

- Giai đoạn vận hành dự án: Phát sinh mùi, bụi, khí thải trong quá trình sản xuất thuốc lá; bụi và khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng; bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án; Phát sinh nước thải sinh hoạt; Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất và chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

* *Nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng:*

- Nước mưa chảy tràn: lượng phát sinh 3.185 m³/ngày.đêm. Nước mưa chảy tràn cuốn theo phần lớn cát bụi, thành phần trong nước mưa có chứa chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- Nước thải sinh hoạt: lượng phát sinh 0,8 m³/ngày.đêm. Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và các vi sinh vật.

- Nước thải thi công xây dựng: phát sinh do quá trình vệ sinh dụng cụ, thiết bị sau khi kết thúc ngày thi công, lượng nước thải phát sinh 2 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu của nước thải chứa chất rắn lơ lửng.

* *Khí thải trong giai đoạn thi công xây dựng:*

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển: Lượng bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng là 3,25 kg/ngày. Ngoài ra, khí thải còn của các phương tiện còn chứa chủ yếu NO₂, SO₂, CO, THC và VOC.

- Bụi phát sinh từ hoạt động tập kết nguyên vật liệu xây dựng: Lượng bụi phát sinh là 0,0017 kg/giờ. Nồng độ bụi phát sinh trong quá trình tập kết vật liệu xây dựng là 17,6 µg/m³.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công: Lưu lượng khí thải lớn nhất do đốt dầu DO khi vận hành tất cả máy móc tại công trường là 0,08 m³/s. Khí thải có chứa các sản phẩm của quá trình đốt nhiên liệu của động cơ như: CO, SO₂, NO₂ và bụi.

*** Nước thải trong giai đoạn vận hành:**

- Nước mưa chảy tràn: lượng phát sinh 3.304 m³/ngày.đêm. Nước mưa chảy tràn cuốn theo phần lớn cát bụi, thành phần trong nước mưa có chứa chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- Nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn: lượng phát sinh 11,2 m³/ngày.đêm. Nước thải chứa chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD), thành phần dinh dưỡng (N, P) và vi sinh (Coliform, E.coli).

*** Khí thải trong giai đoạn vận hành:**

- Bụi thuốc, mùi từ hoạt động sản xuất:

+ Bụi thuốc: Bụi thuốc phát sinh chủ yếu ở công đoạn vắn điều, lượng bụi phát sinh là 126,4 kg/ngày.

+ Mùi: Mùi phát sinh từ nguyên liệu sản xuất (mùi đặc trưng của thuốc lá).

- Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: Lưu lượng khí thải là 0,62 m³/s. Thành phần trong khí thải chứa chủ yếu bụi, SO₂, NO_x, CO.

- Bụi, khí thải phát sinh từ nhà xe: Khí thải có lưu lượng nhỏ và không tập trung, thành phần khí thải chủ yếu là bụi, NO_x, SO₂, CO, CO₂, VOC.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

*** Chất thải rắn trong giai đoạn xây dựng:**

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh là 6,7 kg/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt có hàm lượng chất hữu cơ cao, có khả năng phân hủy sinh học.

- Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng phát sinh là 220 kg/tháng. Chất thải rắn xây dựng phát sinh gồm: Xi măng, gạch, cát, đá, gỗ, giấy, vụn nguyên liệu rơi vãi, sắt thép vụn,...

*** Chất thải nguy hại trong giai đoạn xây dựng:**

Khối lượng phát sinh trong toàn giai đoạn xây dựng là 45 kg, thành phần phát sinh chủ yếu là giẻ lau dính dầu, nhớt thải, bóng đèn hỏng, dầu nhớt thải.

*** Chất thải rắn trong giai đoạn vận hành:**

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh là 172 kg/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt có hàm lượng chất hữu cơ cao, với khả năng phân hủy sinh học.

- Chất thải rắn sản xuất: Khối lượng phát sinh là 315,5 kg/ngày, bao gồm bụi thuốc 126,4 kg/ngày và chất thải tái chế (bao bì, giấy vụn ...) là 189,1 kg/ngày.

*** Chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành:**

Khối lượng phát sinh 28,71 kg/tháng. Thành phần chất thải nguy hại gồm giẻ lau dính dầu nhớt và bóng đèn huỳnh quang.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

*** Tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn xây dựng:**

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn, độ rung của các thiết bị, máy móc và phương tiện thi công.

*** Tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành:**

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn, độ rung của máy móc, thiết bị của dây chuyền sản xuất; Tiếng ồn từ phương tiện giao thông ra vào dự án.

3.4. Các tác động khác (nếu có): -

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

*** Giai đoạn xây dựng:**

- Đối với nước mưa chảy tràn sẽ được thu gom về hố ga hiện hữu và thoát ra nguồn tiếp nhận;

- Đối với nước thải xây dựng: nước thải được chứa trong thùng nhựa loại 1000 lít để lắng cặn, gạn nước trước khi cho chảy ra môi trường bên ngoài. Lượng cặn sau khi lắng được sử dụng làm vật liệu nền tại dự án.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Công nhân xây dựng sẽ sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu tại dự án. Nước thải được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của dự án để xử lý. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt Cột A QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường.

*** Giai đoạn vận hành:**

- Đối với nước mưa chảy tràn:

+ Hệ thống thoát nước mưa được bố trí dọc dưới vỉa hè đường nội bộ, mái nhà có máng thu gom nước mưa. Trên tuyến đường có đặt hố ga nhằm thu hết nước bề mặt và thoát ra rạch tự nhiên (giáp hẻm 9) và thoát ra cống thoát nước đô thị (trên đường Phạm Hùng).

+ Nguồn tiếp nhận nước mưa: Rạch tự nhiên giáp Hẻm 9 và cống thoát nước đô thị trên đường Phạm Hùng.

- Đối với nước thải:

+ Hệ thống thu gom, thoát nước thải: Nước thải sinh hoạt từ hầm tự hoại (dẫn qua hệ thống ống PVC Ø49 và Ø114), nước thải từ bồn vệ sinh (dẫn qua hệ thống ống PVC Ø49) thu gom về hố thu gom và được bơm về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống Ø49. Nước thải nhà ăn được thu gom về bể gạn bằng đường ống Ø60 và được bơm về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống Ø49. Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K=1,2) dẫn theo đường ống Ø49 (chiều dài 130 m) tự chảy ra cống thoát nước đô thị trên đường Phạm Hùng.

+ Hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày.đêm. Quy trình xử lý: Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Thiết bị lọc áp lực → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K=1,2) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước đô thị nằm trên đường Phạm Hùng, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

+ Vị trí xả nước thải: Cống thoát nước đô thị địa chỉ Số 438, Phạm Hùng, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Tọa độ VN2000 (kinh tuyến 105⁰, múi chiếu 3⁰): X= 581837; Y= 1104947.

+ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K=1,2) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

*** Giai đoạn xây dựng:**

- Giảm thiểu ô nhiễm bụi trong quá trình vận chuyển, tập kết nguyên liệu:

+ Bụi được hạn chế bằng cách phun nước tại những khu chứa vật liệu xây dựng và các chất thải xây dựng như đất, đá, vật liệu xây dựng thừa. Dùng dụng cụ phủ kín. Hạn chế bụi do khí thải động cơ bằng cách sử dụng loại nhiên liệu với hàm lượng lưu huỳnh thấp (S= 0,05%) thực hiện tốt bảo trì máy móc.

+ Không dùng các xe quá cũ và không chở vật liệu rời quá đầy quá tải dùng bạt che chắn khi chuyên chở. Chỉ sử dụng các phương tiện vận chuyển đã kiểm định.

+ Không tập trung nhiều phương tiện vận chuyển cùng một thời điểm.

+ Các phương tiện không được chở quá tải trọng cho phép.

- Giảm thiểu tác động do khí thải từ máy móc thi công:

+ Thường xuyên bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển, thiết bị xây dựng làm giảm tối đa lượng khí thải. Không được chở quá trọng tải quy định.

+ Thông gió cho khu vực làm việc có phát sinh bụi, khí thải như hoạt động tập kết nguyên, vật liệu. Đồng thời, trang bị thiết bị an toàn lao động cá nhân cho công nhân như mũ, quần, áo bảo hộ lao động.

*** Giai đoạn vận hành:**

- Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất:

+ Hệ thống thu gom bụi:

Phân xưởng 1 bao gồm: 06 quạt thổi công suất 7,5kW; Ống thu đường kính 125mm tổng chiều dài 96,8 m; Ống thu đường kính 150mm tổng chiều dài 120,6 m;

Phân xưởng 2 bao gồm: 02 quạt thổi công suất 7,5kW và 02 quạt công suất 4kW; Ống thu đường kính 125mm tổng chiều dài 23,5 m; Ống thu đường kính 140mm tổng chiều dài 79 m;

Phân xưởng Demi slim bao gồm: 02 quạt công suất 5,5kW; Ống thu đường kính 125mm tổng chiều dài 26 m; Ống thu đường kính 140mm tổng chiều dài 20 m.

+ Hệ thống xử lý bụi theo quy trình: Bụi phát sinh tại khu vực dây chuyền sản xuất → Hệ thống thu bụi → Hệ thống lọc bụi túi vải → Quạt hút → không khí sau khi lọc bụi.

+ Công suất của hệ thống lọc bụi:

Phân xưởng 1: Công suất 9.217 m³/h bao gồm: 01 thiết bị lọc bụi 240m³/h (ký hiệu ME 325-00-002), 03 thiết bị lọc bụi 117m³/h (ký hiệu DCE UMA 154V); 01 quạt hút công suất 11kW (lưu lượng 3.600 m³/giờ), 01 quạt hút công suất 22kW (lưu lượng 1.500 m³/giờ), 01 quạt hút công suất 7,5kW (lưu lượng 2.000 m³/giờ) và 01 quạt hút dự phòng công suất 7,5kW (lưu lượng 2.000 m³/giờ).

Phân xưởng 2: Công suất 6.234 m³/h bao gồm: 05 thiết bị lọc bụi 117m³/h (ký hiệu DCE UMA 154V); 03 quạt hút công suất 7,5kW (lưu lượng 2.000 m³/giờ).

Hệ thống xử lý bụi tại phân xưởng Demi slim công suất 2.234 m³/h bao gồm 03 thiết bị lọc bụi 117m³/h (ký hiệu DCE UMA 154V); 01 quạt hút công suất 7,5kW (lưu lượng 2.000 m³/giờ).

+ Dòng khí thải ra môi trường: Ba (03) dòng khí thải: Dòng khí thải từ hệ thống xử lý bụi phân xưởng 1, dòng khí thải từ hệ thống xử lý bụi phân xưởng 2 và dòng khí thải từ hệ thống xử lý bụi phân xưởng Demi slim.

+ Vị trí xả khí thải: khu vực của dự án tại Số 438, Phạm Hùng, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

+ Phương thức xả thải: xả cưỡng bức nhờ quạt hút thổi ra ngoài.

+ Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19: 2009/BTNMT (cột B).

- Bụi, khí thải trong quá trình vận hành máy phát điện dự phòng:

+ Máy phát điện dự phòng ít được sử dụng, chỉ dùng ở trường hợp sự cố mất điện, nên không ảnh hưởng nhiều đến môi trường không khí xung quanh. Tuy nhiên, khi vận hành máy phát điện cần tuân thủ đúng quy định của nhà sản xuất.

+ Ống khói của máy phát điện cao khoảng 4m kể từ mái nhà.

- Bụi, khí thải từ nhà xe:

+ Thường xuyên vệ sinh sân bãi, tuyến đường lưu thông chính của phương tiện ra vào dự án (xe máy, xe ô tô của công nhân viên làm việc tại dự án). Vào ngày nắng gắt tiến hành phun nước tưới ẩm, vừa giảm bụi, vừa giảm bức xạ nhiệt.

+ Quy định, lắp đặt biển tốc độ đối với xe tải và xe 4 bánh khi di chuyển trong khu vực dự án. Tắt máy dẫn bộ đối với xe máy vào công dự án.

+ Yêu cầu phương tiện vận tải không được chở quá trọng tải quy định.

+ Sử dụng các phương tiện vận chuyển chuyên dụng, phù hợp loại nguyên phụ liệu, sản phẩm.

+ Lập kế hoạch vận chuyển hợp lý, hạn chế công tác nhập và xuất hàng vào giờ cao điểm. Tránh tập trung quá nhiều phương tiện hoạt động tại cùng thời điểm.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

*** Giai đoạn xây dựng:**

- Chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng được thu gom vào các thùng chứa rác của dự án. Chủ dự án thuê đơn vị thu gom với tần suất 01 lần/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng: các loại vật liệu phá dỡ công trình cũ được bán cho đơn vị có nhu cầu để làm nguyên liệu san lấp; các loại sắt, thép vụn, bao bì giấy được thu gom lại và bán cho các cơ sở thu mua, tái chế.

*** Giai đoạn vận hành:**

- Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt loại 240 lít, có nắp đậy dọc theo đường nội bộ của dự án. Chủ dự án thuê đơn vị thu gom với tần suất 01 lần/ngày.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Bụi thuốc phát sinh được thu gom vào bao kín và tập trung kho chứa chất thải rắn sản xuất (Kho chứa bụi thuốc) và được các tổ chức, cá nhân đến thu gom (sử dụng ủ phân bón). Kho chứa bụi thuốc có diện tích 9,52m² được thiết kế theo kiểu nhà tiền chế, khung thép, trần lợp tole, vách tường kết hợp tole, cửa sắt.

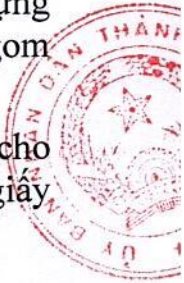
+ Giấy vụn, hộp giấy hư, carton được tập kết lại chứa tại kho chứa phế liệu và bán cho cơ sở thu mua phế liệu. Kho chứa phế liệu có diện tích 360m² được thiết kế theo kiểu nhà tiền chế, khung thép, trần lợp tole, có trang bị thiết bị chữa cháy.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

*** Giai đoạn xây dựng:**

- Chất thải nguy hại được lưu giữ trong thùng chứa thể tích 120 lít/thùng, chất liệu bằng nhựa, nắp đậy kín và có dán tên, mã chất thải nguy hại và biểu tượng nguy hại theo đúng quy định của pháp luật;

- Kho chứa chất thải nguy hại của dự án có diện tích 3,68 m². Chủ dự án thuê đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.



*** Giai đoạn vận hành:**

- Chất thải nguy hại được lưu giữ trong thùng thể tích 240 lít/thùng (03 thùng), có nắp đậy và dán tên, mã chất thải nguy hại và biểu tượng nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

- Kho chứa chất thải nguy hại của dự án có diện tích diện tích 3,68 m² được thiết kế theo kiểu nhà tiền chế, khung thép, trần lợp tole, vách tường kết hợp tole, cửa sắt, bên trong có thiết kế gờ chống tràn, có trang bị thiết bị chữa cháy.

- Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

*** Giai đoạn xây dựng:**

- Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn trong giai đoạn xây dựng:

+ Các thiết bị, máy móc hoạt động đều được kiểm tra ít nhất một tuần 01 lần và thực hiện sửa chữa, điều chỉnh cần thiết đảm bảo của độ an toàn, không gây mức ồn vượt tiêu chuẩn, người điều khiển xe phải tắt máy phương tiện không cần thiết tránh hành động gây độ ồn không đáng có như nhấn còi khi không cần thiết.

+ Thường xuyên nhắc nhở công nhân làm việc không gây ồn ào, khuân vác vật liệu, lắp ráp giàn giáo phải nhẹ tay để hạn chế gây ra tiếng ồn.

+ Không vận chuyển nguyên, vật liệu, không thi công xây dựng từ 11 - 13 giờ, từ 21 - 06 giờ sáng hôm sau.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của độ rung trong giai đoạn xây dựng:

+ Vận hành máy móc trong thời gian quy định, tránh khung giờ nghỉ ngơi của con người xung quanh.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

*** Giai đoạn vận hành:**

- Biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn vận hành:

+ Khu sản xuất của dự án điều được bao bọc các lợp vật liệu cách âm, lắp đặt các cửa cách âm tại xưởng sản xuất tránh ảnh hưởng tiếng ồn ra khu vực lân cận dự án.

+ Định kỳ bảo dưỡng thay mới các thiết bị sản xuất nhằm tránh phát sinh tiếng ồn.

+ Máy phát điện được bố trí tại phòng riêng và đặt trên các bệ đúc có móng chắc chắn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật.

+ Trồng cây xanh, cây cảnh để cải thiện điều kiện vi khí hậu trong khu vực.

+ Máy phát điện được bố trí tại phòng riêng và đặt trên các bệ đúc có móng chắc chắn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: -

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường: -

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: -

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường (nếu có):

*** Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ:**

- Trang bị hệ thống báo cháy tự động: Sử dụng trung tâm báo cháy làm nhiệm vụ nhận tín hiệu từ các đầu báo cháy, xử lý và phát lệnh báo cháy đến thiết bị báo động. Trang bị bình chữa cháy xách tay đặt tại các khu vực trong công trình, khoảng cách tối thiểu giữa các bình không quá 20m. Trang bị bộ nội quy, tiêu lệnh chữa cháy đặt tại các cửa ra vào.

- Trang bị hệ thống cấp nước chữa cháy: Hệ thống cấp nước chữa cháy sử dụng ống STK đảm bảo áp lực làm việc 6kg/cm², áp lực thử 9kg/cm² đường ống chính là ống STK D90, đường ống nhánh STK D60. Trụ chữa cháy sử dụng trụ đôi đặt phía ngoài, gần vị trí trụ chữa cháy bố trí 01 tủ đựng 02 cuộn vòi chữa cháy Ø65 dài 20m, 02 lăng chữa cháy và tâm họng chữa cháy ở độ cao cách mặt sàn 1,25m. Sử dụng nước chứa tại hồ chứa nước chữa cháy thể tích hồ là 156 m³; 02 máy bơm chữa cháy, 01 máy bơm dầu công suất 83,2 bhp, 01 máy bơm điện công suất 86,3 KW.

*** Biện pháp phòng ngừa sự cố của hệ thống xử lý nước thải:**

- Phân công công nhân có chuyên môn về môi trường để vận hành hệ thống.

- Sử dụng thiết bị hoạt động theo chế độ luân phiên (có thiết bị dự phòng khi cần thiết) và hạn chế tối đa hư hỏng thiết bị trong quá trình hoạt động.

- Kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ hệ thống xử lý nước thải nhằm để kịp thời phát hiện, khắc phục các sự cố có thể xảy ra.

- Thực hiện quan trắc chất lượng nước sau xử lý định kỳ hoặc đột xuất nhằm đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý.

- Chủ động báo cáo ngay đến cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

*** Biện pháp phòng ngừa sự cố của hệ thống xử lý bụi:**

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ công trình xử lý bụi để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm để đảm bảo khí thải đầu ra đạt quy chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trang bị các bộ phận thiết bị dự phòng nhằm để kịp thời thay thế đối với bộ phận hỏng.

- Phân công công nhân đã được đào tạo chuyên môn vận hành công trình xử lý bụi.

*** Biện pháp phòng ngừa sự cố rò rỉ môi chất làm lạnh:**

- Trang bị cảm biến rò rỉ khí gas lạnh R134A cho kho lạnh, cảnh báo được hiển thị tại bảng điều khiển.

- Kiểm tra hệ thống làm lạnh của kho lạnh định kỳ 03 tháng/lần.

- Trang bị đồ bảo hộ cho người ra vào kiểm tra hệ thống làm lạnh (áo liền quần, giày và găng tay chịu lạnh, mặt nạ phòng độc, bình khí Oxy).

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giai đoạn xây dựng: -

5.2. Giai đoạn vận hành:

- Quan trắc nước thải:

+ Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung, tại vị trí đầu ra hệ thống xử lý nước thải của dự án.

+ Thông số giám sát: pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng, Tổng chất rắn hoà tan, Sunfua, Amoni, Nitrat, Photphat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliforms.

+ Tần suất giám sát: 01 lần/năm.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Quan trắc bụi, khí thải:

+ Vị trí giám sát: 01 mẫu khí thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý bụi phân xưởng 1 (X = 581867; Y = 1104952); 01 mẫu khí thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý bụi phân xưởng 2 (X = 581825; Y = 1104940); 01 mẫu khí thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý bụi phân xưởng Demi Slim (X = 581849; Y = 1104922).

+ Thông số giám sát: Bụi tổng, CO, NO_x, SO₂

+ Tần suất: 01 lần/năm

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Giám sát chất thải rắn thông thường: Chủ dự án giám sát tổng lượng chất thải rắn phát sinh (chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn sản xuất) với kết quả giám sát đều được thể hiện bằng cách lập sổ nhật ký theo dõi hàng ngày (hàng tháng) hoặc thể hiện qua hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Giám sát chất thải nguy hại: Chủ dự án hợp đồng với Đơn vị có đủ chức năng thu gom chất thải nguy hại theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -